

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **207**/UBND-TCKH  
V/v đơn đốc báo cáo tình hình  
thực hiện tiết kiệm, chống lãng  
phí năm 2016

Triệu Sơn, ngày **13** tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 260/STC-HCSN ngày 20/01/2017 của Sở Tài chính Thanh Hóa; ngày 06 tháng 01 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn đã có Công văn số 155/UBND-TCKH về việc báo cáo tình hình thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016, yêu cầu các Phòng, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện báo cáo nộp về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện trước ngày 10/02/2017 để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính Thanh Hóa. Tuy nhiên, đến nay mới có Phòng Kinh tế hạ tầng và Phòng Y tế nộp báo cáo.

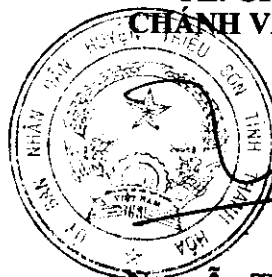
Để có cơ sở số liệu tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Trưởng các Phòng, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương thực hiện báo cáo nộp về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thời gian nộp báo cáo trước ngày 16/02/2017./.

*(Ghi chú: Ngoài việc đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo nội dung của Công văn số 155/UBND-TCKH ngày 06/01/2017 của UBND huyện, yêu cầu có số liệu báo cáo theo mẫu gửi kèm công văn này; trong quá trình thực hiện có vấn đề vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Tài chính - KH để phối hợp thực hiện)*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (t/hiện);
- Chủ tịch, Các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH .

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Trung Thành**

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỐNG LÃNG PHÍ**  
**Kỳ báo cáo: Năm 2016**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
I	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
II	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>	triệu đồng						
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>	triệu đồng						
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng						
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>	triệu đồng						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm: <i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i> <i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	triệu đồng triệu đồng triệu đồng						Số tiền tiết kiệm

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						định trên cơ sở dự toán
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						được duyệt;
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						mức khoán
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						chỉ được
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						được duyệt
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, tiện lực	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	triệu đồng						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm: Thẩm định, phê duyệt dự toán Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh... Thương thảo hợp đồng Các nội dung khác	triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ	triệu đồng						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước	triệu đồng						
I	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện cuối kỳ	chiếc						
1.5	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.6	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trưng bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
IV	Trong đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng	triệu đồng						
1	Trong đầu tư xây dựng	triệu đồng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							

Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
2,1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>						
2,2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>						
2,3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>						
2,4	Tổng diện tích trụ sở cuối kỳ	m <sup>2</sup>						
2,5	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
2,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
2,7	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3,1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>						
3,2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>						
3,3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>						
3,4	Tổng diện tích nhà công vụ cuối kỳ	m <sup>2</sup>						
3,5	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
3,6	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
3,7	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1,1	Diện tích car sử dụng sai mục đích, do hoang hóa, cơ vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>						
1,2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>						
1,3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
1,4	Các nội dung khác							
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2,1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2,2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3,1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3,2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
4	Các nội dung khác	triệu đồng						
VI	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác	triệu đồng						
VII	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
1	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kwh						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	lít						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>	triệu đồng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được	triệu đồng						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn	dự án						
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác	triệu đồng						
3	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>	triệu đồng						
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
	Số lượng xe cuối kỳ	chiếc						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi	triệu đồng						
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
	Vốn chủ sở hữu	triệu đồng						
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK,CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK,CLP được phát hiện	cơ quan/ tổ chức/đơn vị						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả của năm báo cáo	So sánh		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch năm báo cáo	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						

### NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### \* CHÚ THÍCH:

- Số liệu Báo cáo năm tổng hợp từ 01/01 đến 31/12 hàng năm
- Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương ứng trong cột (2) "Nội dung" và các cột tương ứng với kỳ báo cáo
- Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc so sánh giữa Chương trình THTK, CLP (mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm) đã đề ra với thực tế thực hiện, hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát.



11 bộ (biểu mẫu ghép mặt)